TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03-5-2018
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh L**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lý Đức P**.
2. Bà **Trần Thị L.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Việt C** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hồng Q** – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 494/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** – Sinh năm: 1985.
Nghề nghiệp: Cán bộ; Dân tộc: Kinh.
Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang.
Hôm nay có mặt .
2. Bị đơn: Anh **Phí Văn P** – Sinh năm: 1984.
Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Kinh.
Địa chỉ: Đội 5, xã E, huyện A, tỉnh Hà Giang.
Hôm nay vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 05-01-2018 của chị Nguyễn Thị H và các lời khai tại Tòa án của nguyên đơn trình bày: Chị H và anh Phí Văn P có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Hà Giang. Sau khi về chung sống với nhau, Chị H và anh P chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2014, thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh P thường xuyên chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Chị H và anh P đã sống ly thân với nhau từ tháng 8-2017 cho đến nay.

Nay chị H cảm thấy không thể chung sống với anh P được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị H và anh P có hai con chung:

Cháu Phí Gia B – Sinh ngày: 17-11-2009.

Cháu Phí Gia H – Sinh ngày: 29-10-2014.

Hiện tại cháu B và cháu H đang ở với chị H. Chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu H đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 500.000đ/tháng/cháu, đến khi hai cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Phí Văn P nhiều lần nhưng anh P không đến Tòa án để làm việc. Ngày 6-4-2018, Tòa án đã tiến hành xác minh tại Đội 5, xã E, huyện A, tỉnh Hà Giang. Qua xác minh cho thấy, anh P đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án và hiện tại vẫn đang có mặt tại địa phương. Mâu thuẫn gia đình giữa chị H và anh P là do anh P chơi cờ bạc, không chăm lo đến gia đình. Tòa án triệu tập nhưng anh P không đến. Do vậy không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được vì đương sự vắng mặt (Đã được triệu tập hợp lệ 02 lần). Ngày 02-4-2018 anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm tình cảm vợ, chồng không hòa hợp, nhận thấy không thể chung sống với anh P được nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có cháu Phí Gia B – Sinh ngày: 17-11-2009 và cháu Phí Gia H – Sinh ngày: 29-10-2014. Hiện tại cháu B và cháu H đang ở với chị H. Cháu B có nguyện vọng ở với chị H và chị H có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B và cháu H đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi. Chị H yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 500.000đ/tháng/cháu, đến khi hai cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày xét xử.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh P có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 02- 4 -2018. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn xin giải quyết vắng mặt của anh P, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A về việc giải quyết vụ án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phí Văn P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H và anh Phí Văn P ly hôn.

3. Về con chung:

Giao cháu Phí Gia B – Sinh ngày: 17-11-2009; cháu Phí Gia H – Sinh ngày: 29-10-2014 cho chị Nguyễn Thị H địa chỉ thôn B, xã C, huyện A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B và cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 03-5-2018.

Anh P cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 500.000đ/tháng/cháu đến khi hai cháu B, cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày xét xử và phải chịu lãi xuất chậm trả tiền theo quy định. Anh P có quyền thăm nom con sau khi ly hôn.

4 . Về tài sản, công nợ: Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết việc hôn nhân của chị H và anh P. Theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Hà Giang. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phí Văn P có đăng ký kết hôn ngày 16 tháng 9 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện A, tỉnh Hà Giang nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi về chung sống với nhau, chị H và anh P chung sống hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Đến khoảng năm 2014, thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Anh P thường xuyên chơi cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Vợ, chồng sống ly thân với nhau từ tháng 8-2017 cho đến nay. Mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H có đơn xin ly hôn với anh P. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh P cuộc sống chung không hoà hợp, anh P chơi cờ bạc, không chăm lo đến gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh P là phù hợp.

[3] Về con chung:

Tòa án xét thấy nguyện vọng của chị H là phù hợp với nguyện vọng của cháu B, chị H có công việc làm ổn định đảm bảo được cuộc sống cho hai cháu, cần phải giao cháu Phí Gia B – Sinh ngày: 17-11-2009 và cháu Phí Gia H – Sinh ngày: 29-10-2014, cho chị Nguyễn Thị H - Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B và cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày 03-5-2018.

Anh P cấp dưỡng nuôi con số tiền 500.000đ/tháng/cháu đến khi hai cháu trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày xét xử và có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn. Phải chịu lãi xuất chậm trả tiền theo quy định.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81; Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, công nợ: Chị H và anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Phí Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị H và anh Phí Văn P được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Khoản 1 Điều 81; Điều 82; Khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật dân sự
- Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điểm a khoản 1 Điều 24; Điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc Ly hôn và tranh chấp nuôi con của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phí Văn P.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị H và anh Phí Văn P ly hôn.

3. Về con chung: Giao cháu Phí Gia B – Sinh ngày: 17-11-2009 và cháu Phí Gia H – Sinh ngày: 29-10-2014 cho chị Nguyễn Thị H - Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu B và cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi, kể từ ngày 03-5-2018.

Anh Phí Văn P hàng tháng phải cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu Phí Gia B – Sinh ngày: 17-11-2009 số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng)/tháng và cháu Phí Gia H – Sinh ngày: 29-10-2014 số tiền: 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) /tháng. Đến khi cháu B, cháu H trưởng thành, đủ 18 tuổi kể từ ngày xét xử (ngày 3-5-2018). Chị Nguyễn Thị H - Địa chỉ: Thôn B xã C, huyện A, tỉnh Hà Giang là người nhận tiền cấp dưỡng nuôi con.

Anh P có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ theo biên

lai số 01770 ngày 17 tháng 01 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Hà Giang (Chị H đã nộp đủ tiền án phí).

Anh Phí Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con)

5. Quyền kháng cáo: Báo cho chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Báo cho anh P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện A;*
- *TAND tỉnh;*
- *UBND xã E - VX;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Anh Luyện

Bản án gốc thông qua tại phòng nghị án những nội dung đã thảo luận, các thành viên hội đồng xét xử nhất trí ký tên.

Thành viên hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**